

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM
Số: 01/ KHDHTH /2018

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm

Tên tổ chức, cá nhân: Hộ kinh doanh Hoàng Trung Hiếu

Địa chỉ trụ sở chính: Thôn 2, xã Trà Đa, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai.

Điện thoại: 0918.709.001

Fax:

Email:

Mã số doanh nghiệp: 39A8010146

Số Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP: 38/2018/ATTP-CNĐK ngày cấp 13/8/2018, nơi cấp Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm tỉnh Gia Lai

II. Thông tin về sản phẩm

1. Tên sản phẩm: **Nước uống đóng chai Biển Hồ**

2. Thành phần: Nước qua hệ thống lọc.

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm:

Chai Pet: 330ml, 500ml, 1,5lít, 05 lít. Hạn sử dụng 12 tháng kể từ NSX

Chai Pet: 20 lít. Hạn sử dụng 06 tháng kể từ NSX

NSX và HSD in trên nắp chai.

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

- Quy cách bao gói: Thể tích thực 330ml, 500ml, 1,5lít, 05 lít và 20 lít/chai

- Chất liệu bao bì: chai PET

III. Mẫu nhãn sản phẩm (Mẫu nhãn kèm theo)

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

- Quy chuẩn Việt Nam số: 6-1:2010/BYT Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia đối với nước khoáng thiên nhiên và nước uống đóng chai

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

Gia Lai, ngày 14 tháng 8 năm 2018

CHỦ HỘ KINH DOANH



Hoàng Trung Hiếu

Sản xuất tại: Hộ kinh doanh Hoàng Trung Hiếu Đ/c: Thôn 2, xã Trà Đa, TP. Pleiku, tỉnh Gia Lai. ĐT: 0918.709.001 Bản tự công bố Số: 01/KHDHTH/2018 NSX: In trên nắp chai HSD: 12 tháng kể từ NSX	NƯỚC UỐNG ĐÓNG CHAI BIỂN HỒ Thể tích thực: 330 ml	Nước uống đóng chai Biển Hồ được khai thác từ nguồn nước ngầm qua hệ thống lọc thẩm thấu ngược R.O và tia cực tím (UV) theo công nghệ hiện đại. Hướng dẫn sử dụng: Dùng uống trực tiếp, ngon hơn khi uống lạnh. BẢO QUẢN: Đề nơi thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp. Cảnh báo: Không sử dụng nước khi quá hạn sử dụng, có mùi lạ hoặc không còn nguyên niêm phong
---	---	--

Sản xuất tại: Hộ kinh doanh Hoàng Trung Hiếu D/c: Thôn 2, xã Trà Đa, TP. Pleiku, tỉnh Gia Lai. ĐT: 0918.709.001 Bản tự công bố Số: 01/KHDHTH/2018 NSX: In trên nắp chai HSD: 12 tháng kể từ NSX	NƯỚC UỐNG ĐÓNG CHAI BIỂN HỒ Thể tích thực: 500 ml	Nước uống đóng chai Biển Hồ được khai thác từ nguồn nước ngầm qua hệ thống lọc thẩm thấu ngược R.O và tia cực tím (UV) theo công nghệ hiện đại. Hướng dẫn sử dụng: Dùng uống trực tiếp, ngon hơn khi uống lạnh. BẢO QUẢN: Để nơi thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp. Cảnh báo: Không sử dụng nước khi quá hạn sử dụng, có mùi lạ hoặc không còn nguyên niêm phong
--	--	--

Sản xuất tại: Hộ kinh doanh Hoàng Trung Hiếu D/c: Thôn 2, xã Trà Đa, TP. Pleiku, tỉnh Gia Lai. ĐT: 0918.709.001 Bản tự công bố Số: 01/KHDDHTH/2018 NSX: In trên nắp chai HSD: 12 tháng kể từ NSX	NƯỚC UỐNG ĐÓNG CHAI BIỂN HỒ Thẻ tích thực: 1,5 lít	Nước uống đóng chai Biển Hồ được khai thác từ nguồn nước ngầm qua hệ thống lọc thẩm thấu ngược R.O và tia cực tím (UV) theo công nghệ hiện đại. Hướng dẫn sử dụng: Dùng uống trực tiếp, ngon hơn khi uống lạnh. BẢO QUẢN: Để nơi thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp. Cảnh báo: Không sử dụng nước khi quá hạn sử dụng, có mùi lạ hoặc không còn nguyên niêm phong
--	---	---

Sản xuất tại: Hộ kinh doanh Hoàng Trung Hiếu D/c: Thôn 2, xã Trà Đa, TP. Pleiku, tỉnh Gia Lai. ĐT: 0918.709.001 Bản tự công bố Số: 01/KHDHTH/2018 NSX: In trên nắp chai HSD: 12 tháng kể từ NSX	NƯỚC UỐNG ĐÓNG CHAI BIỂN HỒ Thể tích thực: 5 lít	Nước uống đóng chai Biển Hồ được khai thác từ nguồn nước ngăn qua hệ thống lọc thẩm thấu ngược R.O và tia cực tím (UV) theo công nghệ hiện đại. Hướng dẫn sử dụng: Dùng uống trực tiếp, ngon hơn khi uống lạnh. BẢO QUẢN: Đề nơi thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp. Cảnh báo: Không sử dụng nước khi quá hạn sử dụng, có mùi lạ hoặc không còn nguyên niêm phong
--	---	--

Sản xuất tại: Hộ kinh doanh Hoàng Trung Hiếu D/c: Thôn 2, xã Trà Đa, TP. Pleiku, tỉnh Gia Lai. ĐT: 0918.709.001 Bản tự công bố Số: 01/KHĐHTH/2018 NSX: In trên nắp chai HSD: 6 tháng kể từ NSX	NƯỚC UỐNG ĐÓNG CHAI BIỂN HỒ Thể tích thực: 20 lít	Nước uống đóng chai Biển Hồ được khai thác từ nguồn nước ngầm qua hệ thống lọc thẩm thấu ngược R.O và tia cực tím (UV) theo công nghệ hiện đại. Hướng dẫn sử dụng: Dùng uống trực tiếp, ngon hơn khi uống lạnh. BẢO QUẢN: Đề nơi thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp. Cảnh báo: Không sử dụng nước khi quá hạn sử dụng, có mùi lạ hoặc không còn nguyên niêm phong
--	--	---

KT3 – 02848AMT8/1

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

11/07/2018
Page 01/03

- Tên mẫu
Name of sample : 1/ NƯỚC UỐNG ĐÓNG CHAI
Thời gian lấy mẫu/ *Sampling time*: Ngày 03/07/2018
- Mô tả mẫu
Description : Mẫu thử nghiệm do khách hàng lấy mẫu, tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp.
Testing sample was sampled by customer, sample name and sample information were supplied by customer.
Mẫu nước chứa trong chai nhựa, khoảng 1,5 L x 02 chai
As received, the water sample was contained in plastic bottle, about 1,5 L x 02 units
- Số lượng mẫu
Quantity : 01
- Ngày nhận mẫu
Date of receiving : 04/07/2018
- Thời gian thử nghiệm
Testing time : 05/07/2018 – 11/07/2018
- Nơi gửi mẫu
Customer : HỘ KINH DOANH HOÀNG TRUNG HIẾU
Thôn 2, Xã Trà Đa, Tp. Pleiku, Tỉnh Gia Lai
- Kết quả thử nghiệm
Test results : Xem trang / *See page 02 and 03/03*

TL. TRƯỞNG PHÒNG PTN MÔI TRƯỜNG
PP. HEAD OF ENVIRONMENTAL TESTING LAB

Nguyễn Hoàng Linh

TL. GIÁM ĐỐC/ PP. DIRECTOR
TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM/
HEAD OF TESTING LAB

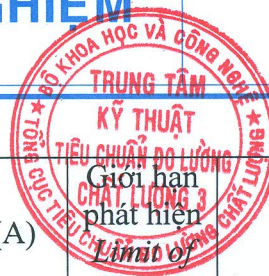


Phan Thanh Trung

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến./ *Test results are valid for the namely submitted sample(s) only.*
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written approval of Quatest 3.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu./ *Name of sample and customer are written as customer's request.*
- Độ không đảm bảo đo mở rộng ước lượng được tính với $k = 2$, mức tin cậy 95 %. Khách hàng có thể liên hệ theo địa chỉ dưới để biết thêm thông tin.
Estimated expanded uncertainty of measurement with $k = 2$, at 95 % confidence level. Please contact Quatest 3 at the below address for further information.

N/A: không áp dụng.
Not applicable

Head Office: 49 Pasteur, Q1, Hồ Chí Minh City, VIỆT NAM Tel: (84-28) 3829 4274 Fax: (84-28) 3829 3012 Website: www.quatest3.com.vn
Testing: 7 Road 1, Biên Hòa 1 Industrial Zone, Đồng Nai Tel: (84-251) 383 6212 Fax: (84-251) 383 6298 E-mail: tn-cskh@quatest3.com.vn

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Tên chỉ tiêu Specification			Phương pháp thử Test method	(A)	Giới hạn phát hiện Limit of detection	Kết quả thử nghiệm Test result
7.1	Hàm lượng nitrite (NO_2^-) Nitrite content	mg/L	SMEWW 2012 (4110 B)	3	0,1	KPH
7.2	Hàm lượng nitrat (NO_3^-), Nitrate content	mg/L	SMEWW 2012 (4110 B)	50	0,5	KPH
7.3	Hàm lượng tổng clo dư (Cl_2), Total chlorine content	mg/L	TCVN 6225 – 2 : 2012	5	0,02	KPH
7.4	Hàm lượng florua (F^-), Fluoride content	mg/L	SMEWW 2012 (4110 B)	1,5	0,2	KPH
7.5	Hàm lượng cyanua (CN^-), Cyanide content	mg/L	TCVN 6181:1996	0,07	0,005	KPH
7.6	Hàm lượng bo (B), Boron content	mg/L	US EPA Method 200.8 – 1994	0,5	-	0,03
7.7	Hàm lượng bari (Ba), Barium content	mg/L	US EPA Method 200.8 – 1994	0,7	0,02	KPH
7.8	Hàm lượng mangan (Mn), Manganese content	mg/L	US EPA Method 200.8 – 1994	0,4	0,02	KPH
7.9	Hàm lượng đồng (Cu), Copper content	mg/L	US EPA Method 200.8 – 1994	2	0,02	KPH
7.10	Hàm lượng cadimi (Cd), Cadmium content	mg/L	US EPA Method 200.8 – 1994	0,003	0,001	KPH
7.11	Hàm lượng niken (Ni), Nickel content	mg/L	US EPA Method 200.8 – 1994	0,07	0,005	KPH
7.12	Hàm lượng chì (Pb) Lead content	mg/L	US EPA Method 200.8 – 1994	0,01	0,005	KPH
7.13	Hàm lượng crôm (Cr), Chromium content	mg/L	US EPA Method 200.8 – 1994	0,05	0,005	KPH
7.14	Hàm lượng selen (Se), Selenium content	mg/L	US EPA Method 200.8 – 1994	0,01	0,005	KPH
7.15	Hàm lượng molybden (Mo), Molybdenum content	mg/L	US EPA Method 200.8 – 1994	0,07	0,005	KPH
7.16	Hàm lượng antimon (Sb), Antimoni content	mg/L	US EPA Method 200.8 – 1994	0,02	0,005	KPH
7.17	Hàm lượng thủy ngân (Hg), Mercury content	mg/L	US EPA Method 200.8 – 1994	0,006	0,0005	KPH
7.18	Hàm lượng asen (As), Arsenic content	mg/L	US EPA Method 200.8 – 1994	0,01	0,001	KPH
7.19	Hàm lượng bromat (BrO_3^-), Bromate content	mg/L	Tk.SMEWW 2012 (4110 D)	0,01	0,004	KPH
7.20	Hàm lượng clorat (ClO_3^-), Clorate content	mg/L	Tk.SMEWW 2012 (4110 D)	0,7	0,01	KPH
7.21	Hàm lượng clorit (ClO_2^-), Clorite content	mg/L	Tk.SMEWW 2012 (4110 D)	0,7	0,01	KPH

**QUATEST 3®****TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 3**
QUALITY ASSURANCE & TESTING CENTER 3Head Office: 49 Pasteur, Q1, Hồ Chí Minh City, VIỆT NAM
Testing: 7 Road 1, Biên Hòa 1 Industrial Zone, Đồng NaiTel: (84-28) 3829 4274 Fax: (84-28) 3829 3012
Tel: (84-251) 383 6212 Fax: (84-251) 383 6298www.quatest3.com.vn
tn-cskh@quatest3.com.vn

Tên chỉ tiêu Specification			Phương pháp thử Test method	(A)	Giới hạn phát hiện Limit of detection	Kết quả thử nghiệm Test result
7.22	Coliform tổng số,	CFU/250 mL	ISO 9308 – 1 : 2014	(B)	-	Nhỏ hơn 1 ^(**) Less than
7.23	Escherichia coli,	CFU/250 mL	ISO 9308 – 1 : 2014	(C)	-	Nhỏ hơn 1 ^(**) Less than
7.24	Định lượng enterococci,	CFU/250 mL	TCVN 6189-2: 2009	(B)	-	Nhỏ hơn 1 ^(**) Less than
	Streptococci faecal		QCVN 06-1:2010			
7.25	Bào tử vi khuẩn kỵ khí khử sulfit (Clostridia),	CFU/50 mL	TCVN 6191-2: 1996	(B)	-	Nhỏ hơn 1 ^(**) Less than
7.26	Pseudomonas aeruginosa,	CFU/250 mL	ISO 16266 : 2006	(B)	-	Nhỏ hơn 1 ^(**) Less than

Ghi chú / Notice:

KPH: Không phát hiện/Not detected

Tham khảo/Ref.

TCVN : Tiêu Chuẩn Quốc Gia/ National standards

SMEWW: Standard Methods for the Examination of Water and Waste water.

US EPA: United States Environmental Protection Agency.

(**): Kết quả được biểu thị “< 1 CFU” được xem là “không phát hiện vi sinh vật mục tiêu” trên thể tích mẫu kiểm tra/ the result “<1 CFU” is considered “ target organism not-detectable” in the volume of sample analysed

(A): Mức giới hạn tối đa cho phép theo QCVN 06-1:2010/BYT quy định các chỉ tiêu hóa học của nước uống đóng chai liên quan đến an toàn thực phẩm – Phụ lục II và quy định các chỉ tiêu vi sinh vật của nước uống đóng chai – Phụ lục III/ Maximum requirement level base on QCVN 06 – 1: 2010/ BYT regulations about chemical characteristics of bottled drinking water concerning safety food – Addendum II and regulations about biological of bottled drinking water - Addendum III.

(B): Nếu số vi khuẩn (bào tử) ≥ 1 và ≤ 2 thì tiến hành kiểm tra lần thứ hai. Nếu số vi khuẩn (bào tử) > 2 thì loại bỏ./ If bacteria number ≥ 1 and ≤ 2 (spore) doing the second test; > 2 rejecting the sample.

(C): Không phát hiện được trong bất kỳ mẫu nào./ Not detected in any samples.

2